

Số: 07/2019/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Ghi chú:

Phụ lục Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT được đăng tải tại đường link:
<http://vbqpppl.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx?itemId=9957454f-11f5-4314-ac95-35eb352cf9eb&list=documentDetail>

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã* quy định tại Thông tư này là văn bản hoặc bản điện tử mà cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp cho hợp tác xã ghi lại những thông tin về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế do hợp tác xã đăng ký. Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hợp tác xã.

2. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao đã được đối chiếu với bản chính hoặc bản in từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, đầu tư.

4. *Địa điểm kinh doanh* là nơi tiến hành các hoạt động kinh doanh của hợp tác xã. Địa điểm kinh doanh của hợp tác xã có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính.

5. *Đăng ký hợp tác xã* quy định tại Thông tư này bao gồm nội dung về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hợp tác xã thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã. Đăng ký hợp tác xã bao gồm đăng ký thành lập hợp tác xã, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã và các nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định.

6. *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã* là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký hợp tác xã do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu hợp tác xã để phục vụ công tác đăng ký hợp tác xã.

7. *Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã* là tập hợp dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã

và tình trạng pháp lý của hợp tác xã lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã có giá trị pháp lý là thông tin gốc về hợp tác xã.

8. *Số hóa hồ sơ* là việc quét dữ liệu có sẵn trên giấy nhằm chuyển dữ liệu dạng văn bản giấy sang dạng văn bản điện tử.

9. *Chuẩn hóa dữ liệu* là việc thực hiện các bước rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã”.

2. Bổ sung Điều 2a sau Điều 2 như sau:

“Điều 2a. Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký hợp tác xã

1. Người thành lập hợp tác xã hoặc hợp tác xã tự kê khai hồ sơ đăng ký hợp tác xã và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký hợp tác xã, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của hợp tác xã và người thành lập hợp tác xã.

3. Cơ quan đăng ký hợp tác xã không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên hợp tác xã với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa hợp tác xã với tổ chức, cá nhân khác”.

3. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Ủy quyền thực hiện đăng ký hợp tác xã

Trường hợp người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 4a Thông tư này, kèm theo:

1. Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc

2. Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực”.

4. Bổ sung Điều 4a sau Điều 4 như sau:

“Điều 4a. Các giấy tờ chứng thực cá nhân trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã

1. Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.

2. Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực”.

5. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh

1. Khi đăng ký thành lập hợp tác xã, khi đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã. Cơ quan đăng ký hợp tác xã hướng dẫn và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

2. Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

5. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký hợp tác xã xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.

6. Trường hợp hợp tác xã có nhu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì hợp tác xã lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã là ngành, nghề kinh doanh chi tiết hợp tác xã đã ghi.

7. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều này; trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

8. Hợp tác xã được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của hợp tác xã thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành”.

6. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hợp tác xã

1. Người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký hợp tác xã.

2. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định;

b) Thông tin của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy định;

c) Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký hợp tác xã theo quy định.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

4. Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký hợp tác xã nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, kiểm tra

tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã sau khi được số hóa vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã”.

7. Bổ sung Điều 6a, 6b, 6c, 6d sau Điều 6 như sau:

“Điều 6a. Quy trình phối hợp tạo và cấp mã số hợp tác xã

Khi hồ sơ đăng ký hợp tác xã đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định, thông tin về hồ sơ đăng ký hợp tác xã được chuyển sang cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính).

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, Tổng cục Thuế có trách nhiệm tạo mã số hợp tác xã và chuyển mã số hợp tác xã sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã để cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp cho hợp tác xã. Thông tin về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sẽ được chuyển sang cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế.

Trường hợp Tổng cục Thuế từ chối cấp mã số hợp tác xã thì phải gửi thông tin sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, trong đó nêu rõ lý do từ chối để cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo cho hợp tác xã.

Điều 6b. Thời hạn cấp đăng ký hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hợp tác xã hoặc hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã đối với mỗi một bộ hồ sơ do hợp tác xã nộp trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

3. Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc không được thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã thì hợp tác xã có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 6c. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã.

2. Hợp tác xã có thể nhận Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trực tiếp tại cơ quan đăng ký hợp tác xã hoặc qua đường bưu điện.

3. Các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã có giá trị pháp lý kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

4. Hợp tác xã có quyền yêu cầu cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

5. Hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trước khi Thông tư này có hiệu lực không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này. Hợp tác xã sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

6. Trường hợp hợp tác xã có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước khi Thông tư này có hiệu lực sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, hợp tác xã nộp giấy đề nghị kèm theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế tại cơ quan đăng ký hợp tác xã để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Điều 6d. Cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng

1. Cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng là việc cấp đăng ký hợp tác xã không thực hiện thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Việc cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã đang trong quá trình xây dựng, nâng cấp;

b) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã gặp sự cố kỹ thuật;

c) Các trường hợp bất khả kháng khác.

Căn cứ vào thời gian dự kiến khắc phục sự cố hoặc xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, trừ trường hợp bất khả kháng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo trước về thời gian dự kiến để cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng.

2. Việc phối hợp giải quyết thủ tục cấp đăng ký hợp tác xã theo quy trình dự phòng giữa cơ quan đăng ký hợp tác xã và cơ quan thuế thực hiện theo quy trình luân chuyển hồ sơ bằng bản giấy.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã kết thúc việc xây dựng, nâng cấp hoặc khắc phục sự cố, cơ quan đăng ký hợp tác xã phải cập nhật dữ liệu, thông tin đã cấp cho hợp tác xã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã”.

8. Bổ sung Điều 8a, 8b, 8c, 8d sau Điều 8 như sau:

“Điều 8a. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã đối với tổ chức tín dụng, thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 8b. Đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử

1. Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hình thức đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử. Cơ quan đăng ký hợp tác xã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng chữ ký số công cộng để đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

3. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử có giá trị pháp lý như hồ sơ nộp bằng bản giấy.

Điều 8c. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.

2. Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.

3. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây:

a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định;

b) Người được cá nhân quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã. Trong trường hợp này, kèm theo hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư này.

4. Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Điều 8d. Trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng

1. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 8c Thông tư này kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 8c Thông tư này sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi thông tin sang cơ quan thuế để tự động tạo mã số hợp tác xã. Sau khi nhận được mã số hợp tác xã từ cơ quan thuế, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và thông báo cho hợp tác xã về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Trường hợp hồ sơ

chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi thông báo qua mạng điện tử cho hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Quy trình đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã”.

9. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10. Mã số hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, mã số địa điểm kinh doanh

1. Mỗi hợp tác xã được cấp một mã số duy nhất gồm 10 chữ số, gọi là mã số hợp tác xã. Mã số này đồng thời là mã số thuế của hợp tác xã.

2. Mã số hợp tác xã tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của hợp tác xã và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác. Khi hợp tác xã chấm dứt hoạt động thì mã số hợp tác xã chấm dứt hiệu lực.

3. Cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng mã số hợp tác xã để quản lý và trao đổi thông tin về hợp tác xã.

4. Mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã. Mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã là mã số thuế gồm 13 chữ số, bao gồm mã số hợp tác xã và 03 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 001-999.

5. Mã số của địa điểm kinh doanh là mã số gồm 05 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

6. Mã số hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, mã số địa điểm kinh doanh được tạo, gửi, nhận tự động bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, Hệ thống thông tin đăng ký thuế và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Thời gian bắt đầu tạo, gửi, nhận tự động mã số hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, mã số địa điểm kinh doanh căn cứ theo tiến độ triển khai Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

7. Trường hợp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do vi phạm pháp luật về thuế thì hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện không được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch kinh tế, kể từ ngày cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

8. Đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện đã thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp mã số đơn vị phụ thuộc, hợp tác xã liên hệ trực tiếp với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế 13 số, sau đó thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động tại cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định.

9. Đối với các hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), mã số hợp tác xã là mã số thuế do cơ quan thuế đã cấp cho hợp tác xã”.

10. Sửa đổi Điều 11 như sau:

“Điều 11. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hợp tác xã có thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật thì hợp tác xã phải đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;

b) Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã. Nếu không thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký thì hợp tác xã đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã và gửi thông tin đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi trước đây hợp tác xã đăng ký.

Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã”.

11. Sửa đổi Khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thay đổi nội dung điều lệ, nội dung đăng ký thuế, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên thì hợp tác xã phải gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Kèm theo thông báo là nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi”.

12. Sửa đổi Khoản 3 Điều 17 như sau:

“3. Sau khi nhận được hồ sơ giải thể của hợp tác xã quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi thông tin về việc hợp tác xã đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký hợp tác xã, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc giải thể của hợp tác xã đến cơ quan đăng ký hợp tác xã.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, cơ quan đăng ký hợp tác xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Khi nhận thông báo về việc giải thể của hợp tác xã và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho cơ quan đăng ký hợp tác xã”.

13. Bổ sung Điều 17a sau Điều 17 như sau:

“Điều 17a. Chấm dứt tồn tại của hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày các hợp tác xã được chia, hợp tác xã hợp nhất, hợp tác xã nhận sáp nhập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập đặt trụ sở chính thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các hợp tác xã này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc chấm dứt tồn tại tất cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã trước khi chấm dứt tồn tại của hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi đặt trụ sở chính của hợp tác xã được chia, hợp tác xã hợp nhất, hợp tác xã nhận sáp nhập, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã được chia, hợp tác xã hợp nhất, hợp tác xã nhận sáp nhập gửi thông tin cho cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đặt trụ sở chính hợp tác xã bị chia, hợp tác xã bị hợp nhất, hợp tác xã bị sáp nhập để thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã”.

14. Sửa đổi Điều 22 như sau:

“Điều 22. Quy định về việc đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn

1. Trước khi đăng ký tên hợp tác xã, hợp tác xã tham khảo tên các hợp tác xã đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã không được đặt tên hợp tác xã trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã trên phạm vi toàn quốc, trừ những hợp tác xã đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố hợp tác xã bị phá sản.

2. Các hợp tác xã hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng tên hợp tác xã đã đăng ký và không bắt buộc phải đăng ký đổi tên. Cơ quan đăng ký hợp tác xã khuyến khích và tạo điều kiện

thuận lợi cho các hợp tác xã có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên hợp tác xã hoặc bổ sung tên địa danh để làm yếu tố phân biệt tên hợp tác xã.

3. Cơ quan đăng ký hợp tác xã có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của hợp tác xã theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đăng ký hợp tác xã là quyết định cuối cùng”.

15. Bổ sung Điều 23a, 23b sau Điều 23 như sau:

“Điều 23a. Chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu đăng ký hợp tác xã

1. Trường hợp thông tin đăng ký hợp tác xã trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo hoặc hướng dẫn hợp tác xã để thực hiện việc hiệu đính thông tin và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định.

2. Trường hợp thông tin đăng ký hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hồ sơ đăng ký hợp tác xã bằng bản giấy do quá trình chuyển đổi dữ liệu, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện hoặc hướng dẫn hợp tác xã bổ sung, cập nhật thông tin theo quy định.

3. Hợp tác xã cập nhật, bổ sung thông tin về số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử (email), trang thông tin điện tử (website) khi thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

4. Việc triển khai công tác chuẩn hóa dữ liệu, số hóa hồ sơ, cập nhật và chuyển đổi bổ sung dữ liệu đăng ký hợp tác xã đối với các hồ sơ đăng ký hợp tác xã trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo kế hoạch hàng năm của cơ quan đăng ký hợp tác xã.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc chuyển đổi dữ liệu tại cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện, cấp tỉnh sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Các thông tin đăng ký tại cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện, cấp tỉnh là thông tin gốc về hợp tác xã khi quá trình chuyển đổi dữ liệu được thực hiện.

Điều 23b. Khai thác thông tin đăng ký hợp tác xã trên Hệ thống thông tin

Thông tin đăng ký hợp tác xã được cung cấp công khai, miễn phí trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã (www.dangkykinhdoanh.gov.vn) bao gồm: tên hợp tác xã, mã số hợp tác xã, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật, tình trạng pháp lý của hợp tác xã”.

Điều 2.

1. Bãi bỏ điểm e Khoản 1, Khoản 3 Điều 8; điểm d Khoản 1, Khoản 4 Điều 12; điểm b Khoản 1 Điều 16; điểm c, điểm đ Khoản 2 Điều 17; Khoản 4, Khoản 5 Điều 18; Điều 24 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

2. Quy định về thời hạn cấp đăng ký hợp tác xã tại Khoản 2 Điều 7, Khoản 2 Điều 8, Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 16, Khoản 3 Điều 17, Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Quy định về việc nộp bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cấp trước khi hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới tại Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

4. Các mẫu biểu và dẫn chiếu về mẫu biểu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./

Nơi nhận:

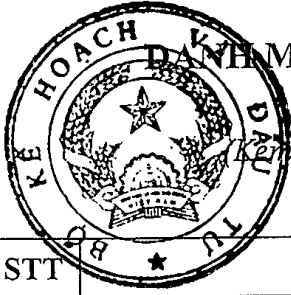
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án NDTC, Viện Kiểm sát NDTC;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VT, ĐKKD (NV)

C263



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng



DANH MỤC CÁC MẪU VĂN BẢN/TỜ KHAI SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Danh mục	Ký hiệu
I	<i>Mẫu văn bản quy định cho Hợp tác xã</i>	
1	Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã	Phụ lục I-1
2	Phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-2
3	Danh sách thành viên hợp tác xã	Phụ lục I-3
4	Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát, kiểm soát viên hợp tác xã	Phụ lục I-4
5	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-5
6	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	Phụ lục I-6
7	Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-7
8	Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài	Phụ lục I-8
9	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-9
10	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-10
11	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-11
12	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài	Phụ lục I-12
13	Thông báo về việc giải thể hợp tác xã	Phụ lục I-13
14	Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Phụ lục I-14
15	Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã	Phụ lục I-15
16	Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-16
17	Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-17
18	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Phụ lục I-18
19	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm...	Phụ lục I-19

II	Mẫu văn bản quy định cho Cơ quan đăng ký hợp tác xã	
20	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-1
21	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử	Phụ lục II-2
22	Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-3
23	Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-4
24	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh của hợp tác xã	Phụ lục II-5
25	Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện của hợp tác xã	Phụ lục II-6
26	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục II-7
27	Thông báo về cơ quan thuế quản lý	Phụ lục II-8
28	Thông báo về việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Phụ lục II-9
29	Thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã	Phụ lục II-10
30	Thông báo về việc vi phạm của hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-11
31	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-12
32	Quyết định về việc hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-13
33	Thông báo về việc giải thể, chấm dứt tồn tại của hợp tác xã	Phụ lục II-14
34	Giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục II-15
35	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm.....	Phụ lục II-16
36	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm.....	Phụ lục II-17
III	Phụ lục khác	
37	Danh mục chữ cái và ký hiệu sử dụng trong đặt tên hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục III-1
38	Mẫu bìa Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục III-2
39	Phông (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ sử dụng trong các mẫu giấy	Phụ lục III-3

CÁCH GHI ĐỐI VỚI CÁC MẪU GIẤY

1. Đối với đăng ký liên hiệp hợp tác xã thì trong các mẫu ghi liên hiệp hợp tác xã thay cho hợp tác xã và các cụm từ tương ứng.

2. Tên tiêu đề: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

a) Nếu là cấp tỉnh:

- Dòng trên ghi: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

- Dòng dưới ghi: PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

b) Nếu là cấp huyện:

- Dòng trên ghi: ỦY BAN NHÂN DÂN (tên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh);

- Dòng dưới ghi: PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

Phụ lục I-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

¹ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../.... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:

9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (<i>nếu có</i>):Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ² (<i>trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
9.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ³ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
9.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>

² Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

³ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)⁷

^{5,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

I. Tổng quan về tình hình thị trường

II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã

III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

I. Giới thiệu tổng thể

1. Tên hợp tác xã

2. Địa chỉ trụ sở chính

3. Vốn điều lệ

4. Số lượng thành viên

5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh

II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã

II. Phân tích cạnh tranh

III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã

IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã

1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên

2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
1										
2										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										
1										
2										

....., ngày.... tháng.... năm...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA HỢP TÁC XÃ**
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã*)

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã² (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/
thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**

*(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm)*

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.

(Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không				
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" data-bbox="343 862 1425 1048"> <thead> <tr> <th data-bbox="343 862 890 958">Tên ngân hàng</th> <th data-bbox="890 862 1425 958">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="343 958 890 1048">.....</td> <td data-bbox="890 958 1425 1048">.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): / /

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

Phụ lục I-6

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã như sau: (*Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung thông báo và gửi kèm*)

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

2. Số vốn góp:

THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

2. Số cổ phần:

3. Mệnh giá cổ phần:

4. Giá trị số cổ phần đã mua:

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

2. Vốn điều lệ:

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện,
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số
thuế*):..... Ngày cấp: /..... /.... Nơi cấp:

**Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh với các nội dung sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng
tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng
nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*):...

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi
tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh*

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):.....

4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
6.1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
6.2	Ngày bắt đầu hoạt động ² (<i>trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
6.3	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6.4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ³ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
6.5	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):

² Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

³ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

6.6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không						
6.7	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
6.8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" data-bbox="341 685 1390 898"> <thead> <tr> <th data-bbox="341 685 890 757">Tên ngân hàng</th> <th data-bbox="890 685 1390 757">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="341 757 890 828">.....</td> <td data-bbox="890 757 1390 828">.....</td> </tr> <tr> <td data-bbox="341 828 890 898">.....</td> <td data-bbox="890 828 1390 898">.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁵

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

⁵ - Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã thì người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh thì người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện,
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số
thuế): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh ở nước ngoài như sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng
chữ in hoa):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng
nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có): ..

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

.....

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác:**

Do (tên cơ quan nước ngoài cấp): cấp ngày:...../...../.....

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh/địa điểm kinh doanh):

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

5. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)²

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số
thuế*):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn
phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in
hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế
của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh của hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại
diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại
diện/địa điểm kinh doanh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội
dung đăng ký hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi
nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày
cấp:/...../..... Nơi cấp:

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Nội dung đăng ký thay đổi:

.....
.....
.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)²

2

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số
thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

1. Đối với hợp tác xã:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến
ngày.... tháng.... năm....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh, đề nghị
(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi
nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong Cơ sở dữ
liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng tạm ngừng hoạt động.

**2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng
hoạt động:**

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến
ngày.... tháng.... năm.... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in
hoa*)

.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế
của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²**

2

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-11

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):
.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*):

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

4. Lý do chấm dứt hoạt động:

.....

Hợp tác xã cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

2

- Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-12

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số
thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng
chữ in hoa*):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng
nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): ..
.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:
.....

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác:**

Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*): cấp ngày:...../...../.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-13

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc giải thể hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:

Trường hợp hợp tác xã gửi Quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Quyết định giải thể số:..... ngày.../...../.....

Lý do giải thể:

.....

.....

Kính đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của hợp tác xã (nếu có) trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 4 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản. Kính đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

xã) cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể. Hợp tác xã hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-14

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,
Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng
đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số
thuế*):Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị hiệu đính nội dung thông tin như sau:

- Thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã hiện nay là:.....
.....

- Thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận
đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng
nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hiện nay là:
.....

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai trong trường hợp hiệu đính thông tin
trong Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (*trường hợp không có
mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Do vậy, đề nghị.....(*tên cơ quan đăng ký hợp*

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

tác xã) hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo đúng thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã mà hợp tác xã đã đăng ký.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

2

- Trường hợp hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp hiệu đính thông tin của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-15

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã,
tình trạng hoạt động của hợp tác xã

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã /Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số
thuế): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Sau khi rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký
hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã, hợp tác xã xác nhận (đánh dấu
X vào phần kết quả phù hợp với kết quả kiểm tra của hợp tác xã):

- I. Thông tin đăng ký hợp tác xã là đầy đủ, chính xác
- II. Thông tin đăng ký hợp tác xã còn thiếu
- III. Thông tin đăng ký hợp tác xã chưa thống nhất giữa nội dung đăng
ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc khác so với thông tin hiện tại
của hợp tác xã đã thay đổi nhưng hợp tác xã chưa đăng ký

Hợp tác xã cập nhật chính xác những thông tin còn thiếu tại Mục II:

Thông tin đăng ký kinh doanh	Thông tin đăng ký thuế
1. Đối với hợp tác xã:	1. Đối với hợp tác xã:
2. Các chi nhánh:	2. Các chi nhánh:
3. Các văn phòng đại diện:	3. Các văn phòng đại diện:

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4. Các địa điểm kinh doanh	4. Các địa điểm kinh doanh
-------------------------------------	-------------------------------------

Hợp tác xã cam kết:

- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Điều 28 Luật Hợp tác xã trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) gửi Thông báo rà soát (chỉ kê khai mục này nếu đánh dấu X vào Mục III).

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-16

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã do chuyển đổi
trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số
thuế): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin như sau:

- Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã hiện nay là:
.....

- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là giấy
chứng nhận đăng ký kinh doanh) hiện nay là:

Do vậy, đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác
xã) bổ sung, hiệu đính thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác
xã theo đúng thông tin trên Giấy chứng nhận mà hợp tác xã đã đăng ký.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-17

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau²:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

² Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

- Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-18

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,
Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng
đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số
thuế*):Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng
nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy
chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*chỉ kê
khai trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn
phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đề nghị cấp lại Giấy
chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (*trường hợp không có
mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):Ngày
cấp:/...../..... Nơi cấp:

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

2

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-19

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của hợp tác xã¹ năm.....

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên HTX² (viết đầy đủ bằng chữ in hoa):

2. Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³
(chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....Ngày
cấp:/...../..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Loại hình kinh tế:

3.1. HTX

3.2. QTDND

3.3. LHHTX

3.4. NHHTX

4. Mô hình tổ chức hoạt động

4.1. Cung ứng dịch vụ

4.2. Tạo việc làm cho thành viên

5. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu:

5.1. Nông nghiệp

5.2. Phi nông nghiệp

5.3. Tín dụng

¹ Ghi tên của HTX hoặc QTDND hoặc LH HTX hoặc NHHTX.

² Ghi tên của HTX hoặc QTDND hoặc LH HTX hoặc NHHTX.

³ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

6. Trình độ cán bộ chủ chốt

	Trình độ chuyên môn được đào tạo
	1. Chưa qua đào tạo 2. Sơ cấp nghề 3. Trung cấp, cao đẳng 4. Đại học, trên đại học
6.1. Chủ tịch hội đồng quản trị	
6.2. Giám đốc	
6.3. Trưởng ban kiểm soát/ kiểm soát viên	
6.4. Kế toán trưởng	

7. Thành viên và lao động (tại thời điểm 31/12/...)

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
A	B	1	2
1. Tổng số thành viên	01	Thành viên	
<i>Trong đó: Số thành viên sử dụng dịch vụ⁴</i>	02	Thành viên	
2. Tổng số lao động thường xuyên	03	Người	
<i>Trong đó: Số lao động là thành viên⁵</i>	04	Người	

II. TÀI SẢN, VỐN ĐIỀU LỆ CỦA HTX (tại thời điểm 31/12/...)

1. Tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/20..
A	B	1
1. Tài sản không chia (01=02+03+04+05)	01	
<i>Chia ra:</i>		
- Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất	02	
- Khoản được cấp, hỗ trợ không hoàn lại của nhà nước, khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia	03	
- Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển đưa vào tài sản không chia	04	
- Vốn, tài sản khác do điều lệ quy định là tài sản không chia	05	
2. Tổng cộng tài sản	06	
3. Tổng cộng nguồn vốn (07=08+09)	07	
<i>Chia ra:</i>		
- Nợ phải trả	08	
- Vốn chủ sở hữu	09	

⁴ HTX cung ứng dịch vụ, QTDND, LHHTX, NHHTX phải kê khai chỉ tiêu này.

⁵ HTX tạo việc làm cho thành viên phải kê khai chỉ tiêu này.

2. Vốn điều lệ và vốn góp của thành viên

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/20..
A	B	C	1
1. Tổng vốn điều lệ	01	Tr.đ	
2. Tổng số thành viên góp vốn điều lệ	02	Thành viên	
3. Mức vốn góp thấp nhất/thành viên	03	Tr.đ	
4. Mức góp vốn cao nhất/thành viên	04	Tr.đ	

3. Hoạt động đầu tư

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/20..
A	B	C	1
Tổng số vốn góp vào doanh nghiệp	01	Tr.đ	
Tổng giá trị cổ phần mua	02	Tr.đ	
Tổng vốn điều lệ của doanh nghiệp trực thuộc	03	Tr.đ	

III. KẾT QUẢ KINH DOANH GHI NHẬN THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

1. HTX, LHHTX

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Tổng số
A	B	1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	
Trong đó: - Từ giao dịch với thành viên ⁶	02	
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	03	
3. Tổng lợi nhuận sau nghĩa vụ tài chính (04=05+09)	04	
4. Tổng lợi nhuận trích lập các quỹ (05=06+07+08)	05	
<i>Chia ra:</i>		
- Quỹ Đầu tư phát triển	06	
- Quỹ Dự phòng tài chính	07	
- Quỹ khác	08	
5. Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (09=10+11+12)	09	
<i>Chia ra:</i>		
- Chia cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	10	
- Chia cho thành viên theo vốn góp	11	
- Khác (ghi rõ):	12	
6. Tổng quỹ lương	13	

⁶ HTX cung ứng dịch vụ và LHHTX phải kê khai chỉ tiêu này.

2. QTDND, NHHTX

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số
A	B	1	2
1. Tổng số khách hàng đang vay vốn	01	Khách hàng	
<i>Trong đó: tổng số thành viên đang vay vốn</i>	02	Thành viên	
2. Tổng dư nợ cho vay	03	Triệu đồng	
<i>Trong đó: dư nợ cho vay thành viên</i>	04	Triệu đồng	
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	05	Triệu đồng	
4. Tổng lợi nhuận sau nghĩa vụ tài chính (06=07+11)	06	Triệu đồng	
5. Tổng lợi nhuận trích lập các quỹ (07=08+09+10)	07	Triệu đồng	
<i>Chia ra:</i>			
- Quỹ Đầu tư phát triển	08	Triệu đồng	
- Quỹ Dự phòng tài chính	09	Triệu đồng	
- Quỹ khác	10	Triệu đồng	
6. Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (11=12+13+14)	11	Triệu đồng	
<i>Chia ra:</i>		Triệu đồng	
- Chia cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	12	Triệu đồng	
- Chia cho thành viên theo vốn góp	13	Triệu đồng	
- Khác (ghi rõ):	14	Triệu đồng	
7. Tổng quỹ lương	15	Triệu đồng	

IV. TÌNH HÌNH THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
A	B	1	2
I. Chính sách hỗ trợ cho các hợp tác xã			
1. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	01	Lượt người	
2. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	02	Lần	
3. Hỗ trợ ứng dụng công khoa học, công kỹ thuật và	03	Tr. đồng	

công nghệ mới			
4. Hỗ trợ tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX	04	Tr. đồng	
5. Hỗ trợ tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển KT- XH	05	Lần	
6. Hỗ trợ thành lập mới	06	Tr. đồng	
II. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các HTX nông nghiệp			
1. Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng (nhà kho, sân phơi, xưởng sơ chế, chế biến, cửa hàng kinh doanh, máy móc, thiết bị... phục vụ SXKD)	07	Tr. đồng	
2. Hỗ trợ, ưu đãi về giao đất, cho thuê đất			
Trong đó: - Diện tích đất được giao	08	Ha	
- Diện tích đất được thuê	09	Ha	
- Tiền thuê đất được miễn, giảm	10	Tr. đồng	
3. Ưu đãi về tín dụng		Tr. đồng	
Trong đó: - Số tiền được vay tổ chức tín dụng	11	Tr. đồng	
- Số tiền được hỗ trợ lãi suất vay	12	Tr. đồng	
4. Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	13	Tr. đồng	
5. Hỗ trợ chế biến sản phẩm	14	Tr. đồng	
6. Khác (ghi cụ thể)	15		

Hợp tác xã⁷ cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ⁸**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁷ HTX hoặc QTDND hoặc LH HTX hoặc NHHTX.

⁸ HTX hoặc QTDND hoặc LH HTX hoặc NHHTX.

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục II-1

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
Mã hồ sơ:.....

...ngày ... tháng ...năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

Ngày / / đã nhận của Ông/Bà

Căn cước công dân/chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ chứng
thực cá nhân khác) số:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

01 bộ hồ sơ số..... về việc

Hồ sơ bao gồm:

STT	Tên tài liệu
1
2

*Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký thành lập mới hoặc đăng ký
thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã thì ghi:*

.....(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) hẹn Ông/Bà
ngày / / liên hệ với(tên cơ quan đăng ký hợp
tác xã) để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký
hợp tác xã thì ghi:*

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của hợp tác xã, thông tin thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã của hợp tác xã sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục II-2

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY BIÊN NHẬN

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày / / đã nhận của Ông/Bà

Căn cước công dân/chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ chứng thực cá nhân khác) số:

Điện thoại: Fax:

Email:

01 bộ hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử mã số: về việc

Hồ sơ bao gồm:

STT	Tên tài liệu
1
2

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) sẽ thông báo cho Ông/Bà về kết quả xử lý hồ sơ đăng ký hợp tác xã của Ông/Bà. Ngày dự kiến trả kết quả: / /¹

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký hợp tác xã sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã của Ông/Bà.

(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ)

¹ Lưu ý: Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

Phụ lục II-3

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số hợp tác xã/số Giấy chứng nhận
đăng ký hợp tác xã/Số Giấy chứng nhận đăng
ký kinh doanh)*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét hồ sơ số..... đã nhận ngày..... tháng..... năm.....

của Ông/Bà:

về việc:.....

..... *(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)* đề nghị những
nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:

.....

.....

Đối với hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử thì ghi:

Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày *(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)* ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, *(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)* sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Ngày *(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)* nhận

được tài liệu sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

Xin thông báo để Ông/Bà được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-4

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số:

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn điều lệ (*bằng số; bằng chữ; VNĐ và giá trị tương đương tiền nước ngoài, nếu có*):

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):..... Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-5

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHI NHÁNH
CỦA HỢP TÁC XÃ

Số:

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên chi nhánh (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Thông tin về người đại diện của chi nhánh

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:// Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Hợp tác xã chủ quản

Tên hợp tác xã:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế/Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-6

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA HỢP TÁC XÃ

Số:

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên văn phòng đại diện viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Email:

Website:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thông tin về người đại diện của văn phòng đại diện

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Hợp tác xã chủ quản

Tên hợp tác xã:

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế/Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-7

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

Số:

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:..... ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Thông tin về người đại diện của địa điểm kinh doanh

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):..... Giới tính:

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:// Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Thông tin về hợp tác xã/chi nhánh chủ quản:

Tên hợp tác xã/chi nhánh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/chi nhánh:

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-8

**TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

.....ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về cơ quan thuế quản lý

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số hợp tác xã)*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Căn cứ thông tin do cơ quan thuế cung cấp,
(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) xin thông báo cho hợp tác xã biết thông tin về
cơ quan thuế quản lý như sau:

Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp:

Đề nghị hợp tác xã liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để kê
khai, nộp thuế theo quy định.

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

Phụ lục II-9

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,
Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng
đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số hợp tác xã /Số Giấy
chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số giấy chứng
nhận đăng ký kinh doanh)*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét lại hồ sơ đăng ký hợp tác xã của Ông/Bà:
là người đại diện theo pháp luật.

..... *(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)* phát hiện nội dung
trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký chi
nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng
ký hợp tác xã.

Do vậy, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo này,
.....*(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)* sẽ tiến hành cấp lại Giấy
chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/Giấy chứng
nhận đăng ký văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
của hợp tác xã thay thế cho giấy tờ đã cấp có nội dung chưa chính xác so với nội
dung trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-10

**TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..... ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã,
tình trạng hoạt động của hợp tác xã**

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số hợp tác xã/Số Giấy
chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Số Giấy chứng
nhận đăng ký kinh doanh)*

Căn cứ quy định tại Khoản 15 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của hợp tác xã về sự đầy đủ và chính xác của các thông tin đăng ký hợp tác xã,

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đề nghị hợp tác xã rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã đã đăng ký như sau:

Thông tin đăng ký kinh doanh	Thông tin đăng ký thuế
1. Đối với hợp tác xã:	1. Đối với hợp tác xã:
2. Các chi nhánh:	2. Các chi nhánh:
3. Các văn phòng đại diện:	3. Các văn phòng đại diện:
4. Các địa điểm kinh doanh	4. Các địa điểm kinh doanh

Sau khi rà soát, đề nghị Quý hợp tác xã gửi Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-15 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã tới (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày gửi Thông báo này.

Trường hợp hợp tác xã phản hồi thông tin đăng ký hợp tác xã là đầy đủ, chính xác, đề nghị Quý hợp tác xã đánh dấu vào Mục I - Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã.

Trường hợp hợp tác xã phản hồi thông tin đăng ký hợp tác xã còn thiếu, đề nghị Quý hợp tác xã cập nhật thông tin tại Mục II - Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã.

Trường hợp hợp tác xã phản hồi thông tin đăng ký hợp tác xã chưa thống nhất giữa nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc khác so với thông tin hiện tại của hợp tác xã đã thay đổi nhưng hợp tác xã chưa đăng ký, đề nghị Quý hợp tác xã cập nhật thông tin tại Mục III - Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký hợp tác xã, tình trạng hoạt động của hợp tác xã và đồng thời thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Điều 28 Luật Hợp tác xã trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) gửi Thông báo rà soát.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế tỉnh/thành phố;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-11

**TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..... ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc vi phạm của hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi
Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số hợp tác xã/số Giấy chứng nhận
đăng ký hợp tác xã/Số Giấy chứng nhận đăng
ký kinh doanh)*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

Căn cứ:

- Điều 56 Luật Hợp tác xã;

- Kết luận/Biên bản làm việc

Cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo nội dung vi phạm của hợp tác xã
như sau:

.....

.....

*Nội dung phần cuối của Thông báo vi phạm được ghi tương ứng với từng
loại vi phạm như sau:*

1. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo để hợp tác xã được biết và sẽ ban
hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

*2. Đối với các trường hợp hợp tác xã vi phạm Khoản 2 Điều 56 Luật Hợp
tác xã - hồ sơ đăng ký thành lập mới là không trung thực, không chính xác thì ghi:*

..... *(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã)* thông báo để hợp tác

xã được biết và sẽ ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

3. Đối với trường hợp hợp tác xã vi phạm Khoản 2 Điều 56 Luật Hợp tác xã - hồ sơ đăng ký thay đổi là không trung thực, không chính xác thì ghi:

Sau thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này, nếu không nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi của hợp tác xã, (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) sẽ ra Quyết định hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất.

4. Đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 56 Luật Hợp tác xã thì ghi:

..... (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến trụ sở của cơ quan để giải trình trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này. Sau thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong Thông báo này mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không phù hợp thì (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục hải quan/Cục hải quan tỉnh, thành phố nơi hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính;
- Cục quản lý thị trường nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-12

**TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

TRƯỞNG PHÒNG (TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ)

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

Căn cứ Thông báo số.....;

Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của hợp tác xã sau:

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cấp lần đầu: ngày cấp: .../.../.....

Nơi cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cấp đăng ký thay đổi lần thứ:.....

Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:..... Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại:..... Fax:
Email: Website:
Do Ông/Bà: (ghi họ tên bằng chữ in hoa):
Sinh ngày://Dân tộc:.....
Quốc tịch:
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:// Ngày hết hạn://
Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại:..... Fax:
Email:

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, mã số địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Điều 2: Hợp tác xã bị giải thể bắt buộc theo quy định tại Điều 54 Luật Hợp tác xã.

Điều 3: (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) sẽ thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể bắt buộc trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày//

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục hải quan/Cục hải quan tỉnh, thành phố nơi hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính;
- Cục quản lý thị trường nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-13

**TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày.... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi nội dung đăng ký
hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

TRƯỞNG PHÒNG ... (TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ)

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

Căn cứ Thông báo số.....;

Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ (các) lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã được cấp trên cơ sở các thông tin giả mạo của hợp tác xã sau:

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp

tác xã (trường hợp không có mã số hợp tác xã / mã số thuế):

Các lần đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi bị hủy bỏ:

1. Đăng ký thay đổi lần thứ (đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã)

Thông báo thay đổi ngày ... (đối với trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã)

Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Do:

Ông/Bà (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email:

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

2. Đăng ký thay đổi lần thứ ... (đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã)

Thông báo thay đổi ngày ... (đối với trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã)

Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Do:

- Ông/Bà: (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email:

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Điều 2. Khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp lần thứ (*hoặc đăng ký lần đầu*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Do:

Ông/Bà: (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email:

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, mã số, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày/...../.....

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ hợp tác xã;
- Chi cục Thuế/Cục thuế nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính;
- Chi cục hải quan/Cục hải quan nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính;
- Cục quản lý thị trường nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-14

**TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc giải thể, chấm dứt tồn tại của hợp tác xã

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

đã tiến hành cập nhật tình trạng pháp lý đối với hợp tác xã sau:

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã (*trường hợp không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):

Địa chỉ trụ sở chính:

Do:

Ông/Bà:

Loại giấy chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

là người đại diện theo pháp luật.

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, địa chỉ chi nhánh:

Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Tình trạng pháp lý của hợp tác xã sau khi cập nhật: (*giải thể hoặc chấm
dứt tồn tại*)

1. Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể thì ghi:

Lý do giải thể:

2. Đối với trường hợp hợp tác xã chấm dứt tồn tại thì ghi:

Lý do chấm dứt tồn tại: (bị chia/bị hợp nhất/bị sáp nhập):

.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ hợp tác xã
- Chi cục hải quan/Cục hải quan nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính;
- Cục quản lý thị trường nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính;
-
- Lưu:

Phụ lục II-15

**TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
HỢP TÁC XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN

**Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm
kinh doanh của hợp tác xã**

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website:

Xác nhận:

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):

Ngày cấp.../.../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

đã chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ
in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế
của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):
.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

	- Phân trích lại từ quỹ đầu tư phát triển đưa vào tài sản không chia	04	Tr. đồng	
	- Vốn, tài sản khác do điều lệ quy định là tài sản không chia	05	Tr. đồng	
2	Tổng cộng tài sản	06	Tr. đồng	
3	Tổng cộng nguồn vốn (07=08+09)	07	Tr. đồng	
	<i>Chia ra:</i>			
	- Nợ phải trả	08	Tr. đồng	
	- Vốn chủ sở hữu	09	Tr. đồng	
II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN GÓP CỦA THÀNH VIÊN				
1	Tổng vốn điều lệ	10	Tr.đồng	
2	Tổng số thành viên góp vốn điều lệ	11	Thành viên	
3	Mức vốn góp thấp nhất/thành viên	12	Tr.đồng	
4	Mức góp vốn cao nhất/thành viên	13	Tr.đồng	
III HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tổng số vốn góp vào doanh nghiệp	14	Tr. đồng	
2	Tổng giá trị cổ phần mua	15	Tr. đồng	
3	Tổng vốn điều lệ của doanh nghiệp trực thuộc	16	Tr. đồng	

III. KẾT QUẢ KINH DOANH GHI NHẬN THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số
A	B	C	1	2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (01=02+04)	01	Tr.đ	
1.1	<i>Từ HTX cung ứng dịch vụ</i>	02	Tr.đ	
	<i>Trong đó: - Từ giao dịch với thành viên¹</i>	03	Tr.đ	
1.2	<i>Từ HTX tạo việc làm</i>	04	Tr.đ	
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	03	Tr.đ	
3	Lợi nhuận sau nghĩa vụ tài chính (04=05+09)	04	Tr.đ	
4	Tổng lợi nhuận trích lập các quỹ (05=06+07+08)	05	Tr.đ	
	<i>Chia ra:</i>			
	- Quỹ Đầu tư phát triển	06	Tr.đ	
	- Quỹ Dự phòng tài chính	07	Tr.đ	
	- Quỹ khác	08	Tr.đ	
5	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (09=10+11+12)	09	Tr.đ	
	<i>Chia ra:</i>			
	- Chia cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	10	Tr.đ	
	- Chia cho thành viên theo vốn góp	11	Tr.đ	
	- Khác (ghi rõ):	12	Tr.đ	
6	Tổng quỹ lương	13	Tr.đ	

IV. TÌNH HÌNH THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số lượng hỗ trợ			Số HTX được hỗ trợ
		Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí (tr. đồng)	
A	B	1	2	3	4

¹ Chỉ HTX cung ứng dịch vụ phải kê khai chỉ tiêu này.

I. Chính sách hỗ trợ cho các HTX					
1. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	01	Lượt người			
2. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	02	Lần			
3. Hỗ trợ ứng dụng công khoa học, công kỹ thuật và công nghệ mới	03	Tr. đồng			
4. Hỗ trợ tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX	04	Tr. đồng			
5. Hỗ trợ tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển KT- XH	05	Lần			
6. Hỗ trợ thành lập mới	06	Tr. đồng			
II. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các HTX nông nghiệp					
1. Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng (nhà kho, sân phơi, xưởng sơ chế, chế biến, cửa hàng kinh doanh, máy móc, thiết bị... phục vụ sản xuất kinh doanh)	07	Tr. đồng			
2. Hỗ trợ, ưu đãi về giao đất, cho thuê đất					
Trong đó: - Diện tích đất được giao	08	Ha			
- Diện tích đất được thuê	09	Ha			
- Tiền thuê đất được miễn, giảm	10	Tr. đồng			
3. Ưu đãi về tín dụng		Tr. đồng			
Trong đó: - Số tiền được vay tổ chức tín dụng	11	Tr. đồng			
- Số tiền được hỗ trợ lãi suất vay	12	Tr. đồng			
4. Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	13	Tr. đồng			
5. Hỗ trợ chế biến sản phẩm	14	Tr. đồng			
6. Khác (ghi cụ thể)	15				

V. TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CỦA HTX

Đơn vị tính: người

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp nghề	Trung cấp, cao đẳng	Đại học, trên đại học
A	B	C	1	2	3	4
	Tổng số (01=02+05+08+11)	01				
1	Chủ tịch hội đồng quản trị (02=03+04)	02				
	- HTX nông nghiệp	03				
	- HTX phi nông nghiệp	04				
2	Giám đốc (05=06+07)	05				
	- HTX nông nghiệp	06				
	- HTX phi nông nghiệp	07				
3	Trưởng ban kiểm soát/ kiểm	08				

	soát viên (08=09+10)					
	- HTX nông nghiệp	09				
	- HTX phi nông nghiệp	10				
4	Kế toán trưởng (11=12+13)	11				
	- HTX nông nghiệp	12				
	- HTX phi nông nghiệp	13				

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-17

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động của hợp tác xã năm ...

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. HỢP TÁC XÃ (Bao gồm HTX và QTDND)

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số
A	B	C	1	2
1	Tổng số HTX đang hoạt động (01=02+06)	01	HTX	
	<i>Chia ra:</i>			
1.1	HTX cung ứng dịch vụ (02=03+04+05)	02	HTX	
	- HTX nông nghiệp	03	HTX	
	- HTX phi nông nghiệp	04	HTX	
	- QTDND	05	HTX	
1.2	HTX tạo việc làm (06=07+08)	06	HTX	
	- HTX nông nghiệp	07	HTX	
	- HTX phi nông nghiệp	08	HTX	
2.	Tổng số thành viên	09	Thành viên	
2.1	Chia theo mô hình tổ chức hoạt động (10=11+13)	10	Thành viên	
	- Thành viên trong HTX cung ứng dịch vụ	11	Thành viên	
	<i>Trong đó: số thành viên sử dụng dịch vụ của HTX</i>	12	Thành viên	
	- Thành viên trong HTX tạo việc làm	13	Thành viên	
2.2	Chia theo lĩnh vực (14=15+16+17)	14	Thành viên	
	- Tổng số thành viên trong lĩnh vực nông nghiệp	15	Thành viên	
	- Tổng số thành viên trong lĩnh vực phi nông nghiệp	16	Thành viên	
	- Tổng số thành viên trong các QTDND	17	Thành viên	
3	Tổng số lao động thường xuyên (18=19+20)	18	Người	
	<i>Chia ra:</i>			
	Lao động trong HTX cung ứng dịch vụ	19	Người	
	Lao động trong HTX tạo việc làm	20	Người	
	<i>Trong đó: Số lao động là thành viên</i>	21	Người	

I.2 LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (Bao gồm LHHTX và NHHTX)

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số
A	B	C	1	2
1	Tổng số LHHTX đang hoạt động (01=02+03+04)	01	LHHTX	
	<i>Chia ra:</i>			

	- LHHTX nông nghiệp	02	LHHTX	
	- LHHTX phi nông nghiệp	03	LHHTX	
	- NHHTX	04	LHHTX	
2	Tổng số HTX thành viên (05=07+08+09)	05	Thành viên	
	<i>Trong đó: số thành viên sử dụng dịch vụ của LHHTX</i>	06		
	<i>Chia ra:</i>			
	- LHHTX nông nghiệp	07	Thành viên	
	- LHHTX phi nông nghiệp	08	Thành viên	
	- NHHTX	09	Thành viên	
3	Tổng số lao động thường xuyên	10	Người	

II. TÀI SẢN, VỐN, HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (tại thời điểm 31/12/...)

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	
				HTX ¹	LH HTX ²
A	B	C	1	2	3
II.1	TÀI SẢN				
1	Tài sản không chia (01=02+03+04+05)	01	Tr. đồng		
	<i>Chia ra:</i>				
	- Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất	02	Tr. đồng		
	- Khoản được cấp, hỗ trợ không hoàn lại của nhà nước, khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia	03	Tr. đồng		
	- Phân trích lại từ quỹ đầu tư phát triển đưa vào tài sản không chia	04	Tr. đồng		
	- Vốn, tài sản khác do điều lệ quy định là tài sản không chia	05	Tr. đồng		
2	Tổng cộng tài sản	06	Tr. đồng		
3	Tổng cộng nguồn vốn (07=08+09)	07	Tr. đồng		
	<i>Chia ra:</i>				
	- Nợ phải trả	08	Tr. đồng		
	- Vốn chủ sở hữu	09	Tr. đồng		
II.2	VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN GÓP CỦA THÀNH VIÊN				
1	Tổng vốn điều lệ	10	Tr.đ		
2	Tổng số thành viên góp vốn điều lệ	11	Thành viên		
3	Mức vốn góp thấp nhất/thành viên	12	Tr.đ		
4	Mức góp vốn cao nhất/thành viên	13	Tr.đ		
II.3	HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tổng số vốn góp vào doanh nghiệp	14	Tr.đ		
2	Tổng giá trị cổ phần mua	15	Tr.đ		
3	Tổng vốn điều lệ của doanh nghiệp trực thuộc	16	Tr.đ		

III. KẾT QUẢ KINH DOANH GHI NHẬN THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

III.1. HTX, LHHTX

¹ Bao gồm HTX, QTDND.

² Bao gồm LHHTX, NHHTX.

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	
				HTX	LH HTX
A	B	C	1	2	3
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (01=02+04)	01	Tr.đ		
1.1	Từ HTX cung ứng dịch vụ	02			
	Trong đó: Từ giao dịch với thành viên ³	03	Tr.đ		
1.2	Từ HTX tạo việc làm	04			
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	05	Tr.đ		
3	Tổng lợi nhuận sau nghĩa vụ tài chính (06=07+11)	06	Tr.đ		
4	Tổng lợi nhuận trích lập các quỹ (07=08+09+10)	07	Tr.đ		
	Chia ra:				
	- Quỹ Đầu tư phát triển	08	Tr.đ		
	- Quỹ Dự phòng tài chính	09	Tr.đ		
	- Quỹ khác	10	Tr.đ		
5	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (11=12+13+14)	11	Tr.đ		
	Chia ra:				
	- Chia cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	12	Tr.đ		
	- Chia cho thành viên theo vốn góp	13	Tr.đ		
	- Khác (ghi rõ):	14	Tr.đ		
6	Tổng quỹ lương	15	Tr.đ		

III.2. QTDND, NHHTX

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	
				QTDND	NHHTX
A	B	C	1	2	3
1	Tổng số khách hàng đang vay vốn	01	Tr.đ		
	Trong đó: tổng số thành viên đang vay vốn	02	Tr.đ		
2	Tổng dư nợ cho vay	03	Tr.đ		
	Trong đó: dư nợ cho vay thành viên	04	Tr.đ		
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	05	Tr.đ		
4	Tổng lợi nhuận sau nghĩa vụ tài chính (06 = 07 + 11)	06	Tr.đ		
5	Tổng lợi nhuận trích lập các quỹ (07=08+09+10)	07	Tr.đ		
	Chia ra:		Tr.đ		
	- Quỹ Đầu tư phát triển	08	Tr.đ		
	- Quỹ Dự phòng tài chính	09	Tr.đ		
	- Quỹ khác	10	Tr.đ		
6	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (11=12+13+14)	11	Tr.đ		
	Chia ra:		Tr.đ		
	- Chia cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	12	Tr.đ		
	- Chia cho thành viên theo vốn góp	13	Tr.đ		
	- Khác (ghi rõ):	14	Tr.đ		
7	Tổng quỹ lương	15	Tr.đ		

³ Chỉ HTX dịch vụ và LHHTX phải kê khai chỉ tiêu này.

IV. TÌNH HÌNH THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số lượng hỗ trợ			Số HTX được hỗ trợ
		Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí (tr. đồng)	
A	B	1	2	3	4
I. Chính sách hỗ trợ cho các HTX					
1. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	01	Lượt người			
2. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	02	Lần			
3. Hỗ trợ ứng dụng công khoa học, công kỹ thuật và công nghệ mới	03	Tr. đồng			
4. Hỗ trợ tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX	04	Tr. đồng			
5. Hỗ trợ tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển KT-XH	05	Lần			
6. Hỗ trợ thành lập mới	06	Tr. đồng			
II. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các HTX nông nghiệp					
1. Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng (nhà kho, sân phơi, xưởng sơ chế, chế biến, cửa hàng kinh doanh, máy móc, thiết bị... phục vụ sản xuất kinh doanh)	07	Tr. đồng			
2. Hỗ trợ, ưu đãi về giao đất, cho thuê đất					
Trong đó: - Diện tích đất được giao	08	Ha			
- Diện tích đất được thuê	09	Ha			
- Tiền thuê đất được miễn, giảm	10	Tr. đồng			
3. Ưu đãi về tín dụng		Tr. đồng			
Trong đó: - Số tiền được vay tổ chức tín dụng	11	Tr. đồng			
- Số tiền được hỗ trợ lãi suất vay	12	Tr. đồng			
4. Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh	13	Tr. đồng			
5. Hỗ trợ chế biến sản phẩm	14	Tr. đồng			
6. Khác (ghi cụ thể)	15				

V. TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ CHỦ CHỐT

Đơn vị tính: người

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp nghề	Trung cấp, cao đẳng	Đại học, trên đại học
A	HTX, QTDND					
	Tổng số (01=02+06+10+14)	01				
1	Chủ tịch hội đồng quản trị (02=03+04+05)	02				

	- HTX nông nghiệp	03				
	- HTX phi nông nghiệp	04				
	- Quỹ tín dụng	05				
2	Giám đốc (06=07+08+09)	06				
	- HTX nông nghiệp	07				
	- HTX phi nông nghiệp	08				
	- Quỹ tín dụng	09				
3	Trưởng ban kiểm soát/kiểm soát viên (10=11+12+13)	10				
	- HTX nông nghiệp	11				
	- HTX phi nông nghiệp	12				
	- Quỹ tín dụng	13				
4	Kế toán trưởng (14=15+16+17)	14				
	- HTX nông nghiệp	15				
	- HTX phi nông nghiệp	16				
	- Quỹ tín dụng	17				
B	LHHTX, NHHTX					
	Tổng số (18=19+20+21+22)	18				
1	Chủ tịch hội đồng quản trị	19				
2	Tổng Giám đốc	20				
3	Trưởng ban kiểm soát	21				
4	Kế toán trưởng	22				

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III-1

**DANH MỤC CHỮ CÁI VÀ KÝ HIỆU SỬ DỤNG TRONG ĐẶT TÊN HỢP
TÁC XÃ/CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ ĐỊA ĐIỂM KINH
DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

1. Danh mục chữ cái

Chữ in hoa	Chữ in thường	Chữ in hoa	Chữ in thường
A	a	N	n
Ă	ă	O	o
Â	â	Ơ	ơ
B	b	Ô	ô
C	c	P	p
D	d	Q	q
Đ	đ	R	r
E	e	S	s
Ê	ê	T	t
F	f	U	u
G	g	Ư	ư
H	h	V	v
I	i	W	w
J	j	X	x
K	k	Y	y
L	l	Z	z
M	m		

2. Danh mục ký hiệu

%	&	,
()	.
-	+	:
\	/	;
“	”	

Phụ lục III-2

**MẪU BÌA GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, GIẤY
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA
ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ CHI NHÁNH
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH
HỢP TÁC XÃ

Phụ lục III-3

PHÔNG (FONT) CHỮ, CỖ CHỮ, KIỂU CHỮ SỬ DỤNG TRONG CÁC MẪU GIẤY

TT	Thành phần thể thức	Phông (font) chữ	Cỡ chữ	Kiểu chữ	Ví dụ
1	Quốc hiệu	Times New Roman	13	Đậm và in hoa	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Times New Roman	13	Đậm và in thường	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
2	Tên cơ quan cấp	Times New Roman	13	Thường và in hoa	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
		Times New Roman	13	Đậm và in hoa	PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
3	Tên Giấy chứng nhận	Times New Roman	14	Đậm và in hoa	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ
4	Các nội dung ghi sẵn trên mẫu	Times New Roman	14	Thường	Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt:..... Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):....
5	Các nội dung của từng hợp tác xã	Times New Roman	14	Đậm và in hoa	HỢP TÁC XÃ XÂY DỰNG TIỀN THÀNH
		Times New Roman	14	Thường	Địa chỉ trụ sở chính: Số 195b, phố Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
		Times New Roman	14	In hoa	Họ và tên: NGUYỄN VĂN A
6	Thành viên hợp tác xã	Times New Roman	14	In hoa	NGUYỄN VĂN A
7	Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Times New Roman	14	In hoa	CHI NHÁNH HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI HUY HOÀNG TẠI NGHỆ AN
		Times New Roman	14	Thường	Số 2, đường Trần Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
8	Thẻ thức đề ký	Times New Roman	13	Đậm và in hoa	TRƯỞNG PHÒNG
9	Họ tên người ký	Times New Roman	13	Đậm và in thường	Nguyễn Thùy Linh

10	Ngày cấp	Times New Roman	14	Thường và in nghiêng	<p><i>Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng.... năm....</i></p> <p><i>Đăng ký thay đổi lần thứ: ngày.... tháng..... năm....</i></p>
----	----------	-----------------	----	----------------------	--